VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :0410/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/** *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 04/10/2018
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BMP	120	0.50%
2	CII	520	0.84%
3	CTD	120	1.20%
4	CTG	1,050	1.77%
5	DHG	130	0.77%
6	DPM	440	0.52%
7	FPT	1,390	3.88%
8	GAS	270	2.03%
9	GMD	450	0.73%
10	HPG	3,610	9.14%
11	HSG	700	0.54%
12	KDC	350	0.59%
13	MBB	3,360	4.76%
14	MSN	1,190	6.80%
15	MWG	590	4.63%
16	NVL	900	3.53%
17	PLX	330	1.43%
18	PNJ	320	2.11%
19	REE	480	1.07%
20	ROS	400	0.98%
21	SAB	270	3.74%
22	SBT	770	0.98%
23	SSI	850	1.74%
24	STB	4,840	4.11%
25	VCB	1,020	3.94%
26	VIC	1,410	8.83%
27	VJC	770	6.84%
28	VNM	1,060	8.90%
29	VPB	4,110	6.58%
30	VRE	2,420	6.16%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,625,412,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,631,100,464
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 5,687,964
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **04/10/2018**	Kỳ này/This period **03/10/2018**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	15	0	15
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	276,600,000	275,100,000	1,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	16,310	16,350	-40
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,487,157,376,495	4,448,973,407,559	38,183,968,936
của một lô ETF/per Creation Unit	1,631,100,464	1,626,681,319	4,419,145
của một chứng chỉ quỹ/per Share	16,311.00	16,266.81	44.19
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,079.01	1,075.18	3.83

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO